

Số: 872 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 197/TTr- STNMT ngày 04 tháng 03 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (có danh mục và nội dung quy trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế các quyết định: Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Ủy ban

nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành danh mục, quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục đất đai của hộ gia đình, cá nhân tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh (Egov).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, CTTĐT, HCC.

CHỦ TỊCH



Cao Tiên Dũng



**DANH MỤC QUY TRÌNH
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 812/QĐ- UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Quy trình hành chính		Phân loại		Trang
			Nội bộ	Điện tử	
A	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				17
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				17
1	1	Quy trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		X	17
2	2	Quy trình giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		X	19
3	3	Quy trình giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài		X	20

		có chức năng ngoại giao			
4	4	Quy trình chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		X	21
5	5	Quy trình thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		X	22
6	6	Quy trình thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		X	24
7	7	Quy trình thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		X	25
8	8	Quy trình điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004		X	26
9	9	Quy trình đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		X	28
10	10	Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.		X	31
11	11	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		X	34

12	12	Quy trình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận		X	35
13	13	Quy trình đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		X	37
14	14	Quy trình cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		X	38
15	15	Quy trình đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		X	39
16	16	Quy trình đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		X	41
17	17	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		X	43
18	18	Quy trình bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng		X	45

		năm			
19	19	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		X	47
20	20	Quy trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		X	48
21	21	Quy trình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		X	49
22	22	Quy trình xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		X	51
23	23	Quy trình đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		X	52
24	24	Quy trình gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		X	53
25	25	Quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.		X	55
26	26	Quy trình đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		X	56
27	27	Quy trình đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		X	57
28	28	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển		X	58

		quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện Quy trình chuyển quyền theo quy định			
29	29	Quy trình đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		X	59
30	30	Quy trình chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất		X	60
31	31	Quy trình tách thửa hoặc hợp thửa đất		X	62
32	32	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp		X	66
33	33	Quy trình gia hạn đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo		X	67
34	34	Quy trình cung cấp dữ liệu đất đai		X	68
35	35	Quy trình giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X		69
II		LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			71
36	1	Quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường		X	71
37	2	Quy trình kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		X	75
38	3	Quy trình đăng ký/đăng ký xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.		X	78
39	4	Quy trình chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt		X	79
40	5	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản		X	81

41	6	Quy trình xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản		X	83
42	7	Quy trình cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại		X	85
43	8	Quy trình cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại		X	87
44	9	Quy trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		X	89
45	10	Quy trình tham vấn ý kiến trong quy trình thực hiện đánh giá tác động môi trường		X	92
III		LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN			94
46	1	Quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Chưa có quy trình		
47	2	Quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Chưa có quy trình		
48	3	Quy trình cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	94
49	4	Quy trình gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	98
50	5	Quy trình chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		X	99
51	6	Quy trình trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản		X	100
52	7	Quy trình gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		X	101
53	8	Quy trình chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản		X	102
54	9	Quy trình trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản		X	103
55	10	Quy trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản		X	104

56	11	Quy trình đóng cửa mỏ khoáng sản		X	105
57	12	Quy trình cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	108
58	13	Quy trình gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	109
59	14	Quy trình trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	110
60	15	Quy trình tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)		X	111
61	16	Quy trình đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		X	112
62	17	Quy trình chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản		X	113
63	18	Quy trình cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		X	114
IV		LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			119
64	1	Quy trình cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		X	119
65	2	Quy trình cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		X	121
66	3	Quy trình cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		X	122
67	4	Quy trình gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới		X	123

		3.000m ³ /ngày đêm			
68	5	Quy trình gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		X	124
69	6	Quy trình gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		X	125
70	7	Quy trình cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm		X	126
71	8	Quy trình gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm		X	127
72	9	Quy trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		X	128
73	10	Quy trình gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		X	129
74	11	Quy trình cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất		X	130
75	12	Quy trình cấp lại giấy phép tài nguyên nước		X	131

76	13	Quy trình chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước		X	132
77	14	Quy trình lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh		X	133
78	15	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi		X	134
79	16	Quy trình tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành		X	135
80	17	Quy trình điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		X	136
V		LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			137
81	1	Quy trình cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		X	137
82	2	Quy trình cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		X	139
83	3	Quy trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		X	140
VI		LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ			141
84	1	Quy trình cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ		X	141
85	2	Quy trình cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ		X	142
86	3	Quy trình cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II		X	143
87	4	Quy trình gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản		X	144

		đồ hạng II			
88	5	Quy trình cấp đổi/cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II		X	145
B		QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			146
I		LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			146
89	1	Quy trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		X	146
90	2	Quy trình giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		X	147
91	3	Quy trình chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân		X	149
92	4	Quy trình thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		X	152
93	5	Quy trình thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		X	153
94	6	Quy trình hợp thửa đất		X	154
95	7	Quy trình đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		X	161

96	8	Quy trình đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		X	162
97	9	Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất gốc chưa được cấp giấy chứng nhận.		X	164
98	10	Quy trình đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		X	165
99	11	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		X	166
100	12	Quy trình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		X	168
101	13	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		X	171
102	14	Quy trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		X	173
103	15	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển		X	174

		quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định			
104	16	Quy trình đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		X	175
105	17	Quy trình xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		X	178
106	18	Quy trình cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		X	180
107	19	Quy trình đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		X	183
108	20	Quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.		X	186
109	21	Quy trình đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		X	187
110	22	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		X	189
111	23	Quy trình bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		X	190
112	24	Quy trình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;		X	191

		xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)			
113	25	Quy trình đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		X	194
114	26	Quy trình xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		X	196
115	27	Quy trình đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề (áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		X	198
116	28	Quy trình gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		X	200
117	29	Quy trình chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		X	201
118	30	Quy trình giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	X		203
II		LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			205
119	1	Quy trình đăng ký /đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		X	205

120	2	Quy trình tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường		X	206
III		LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			207
121	1	Quy trình đăng ký khai thác nước dưới đất		X	207
122	2	Quy trình lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh		X	208
C		QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			209
I		LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			209
123	1	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai	X		209
II		LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			212
124	1	Quy trình tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường		X	212